

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2024 - 2025

(theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học phổ thông Phan Bội Châu

2. Địa chỉ trụ sở: Thôn Pei Sar, xã Ia Chim, tỉnh Quảng Ngãi

- Điện thoại: 02603 955941. Email:

- Địa chỉ Website: <https://c3phanboichau.quangngai.edu.vn/>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường THPT Phan Bội Châu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi quản lý. Là cơ sở giáo dục trung học phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường THPT Phan Bội Châu có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

4. Sứ mệnh, mục tiêu của nhà trường:

4.1. Sứ mệnh: Đào tạo học sinh có tư chất đạo đức, thông minh, đạt kết quả xuất sắc trong học tập, nhằm phát triển kỹ năng về các môn học chuyên trên cơ sở đảm bảo giáo dục toàn diện về đạo đức, học lực và sức khỏe để tạo nguồn tiếp tục đào tạo thành nhân, phục vụ sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

4.2. Hệ giá trị:

- Sự tôn trọng;

- Tính kỷ luật;

- Sự trung thực;

- Tinh thần hợp tác

- Sự lắng nghe;

- Khát vọng vươn lên

4.3. Mục tiêu: Học sinh Trường THPT Phan Bội Châu sẽ trở thành những cá nhân có tư duy độc lập, tham gia tích cực vào học tập suốt đời và giải quyết vấn đề, hướng tới năng lực sử dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao lợi ích bản thân và lợi ích quốc gia.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Trường THPT Phan Bội Châu được thành lập theo Quyết định số 323/QĐ-CT, ngày 12 tháng 8 năm 2011, của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Tiền thân là cơ sở Phân hiệu của Trường THPT Lê Lợi, thành phố Kon Tum từ năm học 2010 - 2011, đến năm học 2011 - 2012 nhà trường chính thức tách riêng và thành lập trường mang tên Nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu. Lúc

mới thành lập, nhà trường chưa có cơ sở riêng, phải mượn phòng học tạm ở Trường THCS Phan Bội Châu. Đến cuối năm 2012 nhà trường xây dựng hoàn thành cơ sở và chính thức chuyển về ngôi trường mới như hiện nay. Đến ngày 5/8/2025 đơn vị trực thuộc Sở GD & ĐT tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 544/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi và các cơ sở giáo dục ngoài công lập;

Vị trí địa lý Trường THPT Phan Bội Châu đóng chân trên địa bàn xã Ia Chim là xã vùng ven nằm ở phía tây, cách trung tâm Phường Kon Tum khoảng 13 km. **Trường có tổng diện tích đất 33.535,2m²** (*Giấy chứng nhận Quyền sử dụng Đất số CD 491783, cấp ngày 06/1/2017*) Căn cứ tại Điều 1 Nghị quyết 1677/NQ-UBTVQH15 năm 2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi thì các xã phường mới của tỉnh Kon Tum (cũ) sau sáp nhập; Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã *Đoàn Kết, Đắk Năng và Ia Chim* thành xã mới có tên gọi là xã **Ia Chim**.

Địa bàn Xã Ia Chim được xác định là Xã **thuộc khu vực I** theo Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 19/7/2024 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh danh sách xã khu vực III, II, I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 Phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. Trường THPT Phan Bội Châu đóng chân trên địa bàn **Thuộc Vùng II** (*Điều 3 - Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT*);

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-SGDĐT, ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Sở GD & ĐT tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường THPT Phan Bội Châu;

- Họ và tên: **Phan Thị Tuyết Hoa**
- **Địa chỉ:** Thôn Plei Sar, xã Ia Chim, tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại: 0868 827679 Email: hoangomay@gmail.com

7. Cơ sở pháp lý quy định chức năng nhiệm vụ của nhà trường

Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định về hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục Phổ thông; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT;

Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Quyết định số 544/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi và các cơ sở giáo dục ngoài công lập;

II. THÔNG TIN ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Đội ngũ Viên chức, người lao động chia theo nhóm vị trí việc làm

TT	Nhóm/ Vị trí việc làm	Tổng số lượng người làm việc đã được giao	Số lượng người làm việc năm học 2024-2025 (Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT)		Cơ cấu viên chức theo CDN (%)	Số lượng người làm việc KH năm học 2025-2026 (Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT)	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ CTX; NTSN		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ CTX;NTSN
I	Lãnh đạo, quản lý	02	02			02	
1	Hiệu trưởng	01	01			01	
2	Phó Hiệu trưởng	01	01			01	
II	Nghệp vụ chuyên ngành	28	28			28	
1	Giáo viên THPT hạng II	12	12			12	
2	Giáo viên THPT hạng III	15	15			15	
3	Thiết bị, thí nghiệm	01	01			01	
III	Chuyên môn dùng chung	03	03			03	
1	Thư viện viên hạng IV	01	01			01	
2	Phụ trách kế toán	01	01			01	
3	Văn thư viên trung cấp						Kiểm nhiệm
4	Nhân viên Y tế hạng IV	01	01			01	
III	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	03		03			03
1	Nhân viên phục vụ	01		01			01
2	Nhân viên Bảo vệ	02		02			02
Tổng cộng		36	33	03		33	03

2. Đội ngũ Viên chức, người lao động đạt chuẩn nghề nghiệp

CBQL					Giáo viên							Nhân viên		
Tổng Số	Nữ	DTTS	Trên chuẩn	Đạt chuẩn	Tổng Số	Nữ	DTTS	Hợp đồng	Trên chuẩn	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Tổng Số	Nữ	Hợp đồng
02	01	0	02	0	27	18	4	0	2	25	0	7	4	3

3. Về quy mô trường, lớp và học sinh

Khối lớp	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Số học sinh bq/lớp	Tổng số HS DTTS	Ghi chú
1. Năm học 2023-2024					
10	148	4	37	83	
11	109	4	27,3	43	
12	97	4	24,3	48	
Tổng	354	12	29,5	174	
2. Năm học 2024-2025					
10	139	4	35	83	
11	106	4	27	43	
12	97	3	32	48	
Tổng	342	11	31	175	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:¹

TT	Các hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng m ² /phòng	Tiêu chuẩn m ² /học sinh	Ghi chú
I	Khối phòng phục vụ học tập	16			
1	Phòng học	12	58,50	1,58	XD kiên cố
2	Phòng học bộ môn	4	88,25	2,94	XD kiên cố
II	Khối phòng hỗ trợ học tập	04			
1	Phòng Thư viện	1	60,00	2,00	SD Phòng học
2	Phòng thiết bị giáo dục	1			Tạm
3	Phòng Đoàn, Phòng truyền thống	1			
4	Phòng Tư vấn học sinh	1			
III	Khối phòng làm việc, phụ trợ	05			
1	Phòng họp Hội đồng trường	1			XD kiên cố
2	Phòng làm việc, Tổ Ch.môn/GV	1			
3	Phòng Y tế	1			
4	Khu nhà để xe giáo viên	1			
5	Khu nhà vệ sinh học sinh	1			
IV	Khu sân chơi, TDTT	02			
1	Sân trường	1			
2	Sân TDTT	1			
3	Nhà đa năng	0			
V	Khối phục vụ khác	03			
1	Nhà kho	1			Tạm
2	Nhà trực - Bảo vệ	1			XD kiên cố
3	Nhà để xe học sinh	1			

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:**1. Việc chỉ đạo thực hiện Chương trình, kế hoạch giáo dục**

- Việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; kế hoạch giáo dục của nhà trường và triển khai thực hiện các nhiệm vụ năm học

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường và đã được Sở GDĐT phê duyệt². Căn cứ Quyết định kế hoạch năm học của UBND tỉnh và kế hoạch của Sở GD & ĐT Quảng Ngãi³. Triển khai thực hiện xây dựng

¹ Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

² Chiến lược phát triển nhà trường số 07/KH-PBC, ngày 9 tháng 1 năm 2023, Chiến lược phát triển Trường THPT Phan Bội Châu giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến 2030.

³ Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-UBND, ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh

kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026;

- *Thực hiện Chương trình GDPT 2018 cấp trung học*

Nhà trường tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, thực hiện thường xuyên và hiệu quả các phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học tích cực, tăng cường đổi mới PPDH, và kiểm tra đánh giá theo phẩm chất năng lực người học. Triển khai giáo dục STEM, đồng thời tích cực thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018, tập trung ưu tiên cho việc triển khai thực hiện đối với lớp 12 năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.

Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực, phương pháp giáo dục kỷ luật tích cực. Đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông. Đổi mới phương thức đánh giá học sinh (*HS tự đánh giá, đánh giá bình đẳng, đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, ...*); tích cực đổi mới kiểm tra theo chuẩn nội dung kiến thức sang kiểm tra đánh giá theo mức độ về phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

- *Công tác ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2026.*

Nhà trường đã triển khai xây dựng kế hoạch ôn thi TN THPT 2025. Qua kết quả khảo sát đầu năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học đối với học sinh cần quan tâm đặc biệt (*triển khai theo từng đợt, mỗi đợt gồm 4 tuần, có kiểm tra đánh giá để nhận xét sự tiến bộ của học sinh*)

Thường xuyên đánh giá chất lượng thi TN THPT 2024 để tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng điểm TBM thi TN THPT 2025 và giao chỉ tiêu tốt nghiệp cho từng giáo viên. Từng bước nâng cao chất lượng điểm TBM của kỳ thi TN THPT 2025 đã đạt được (*Tăng điểm trung bình các môn thi TN THPT*), giảm thiểu tỉ lệ HS chưa đạt, làm tốt công tác tư vấn phân luồng không để HS bỏ học.

2. Việc nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá

- *Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*

Kế hoạch bài dạy (giáo án) đảm bảo các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong quá trình dạy học; việc xây dựng kế hoạch bài dạy phải đảm bảo đủ thời gian học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu. Tiến trình dạy học mỗi bài học được

xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành; cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh

Tăng cường sử dụng trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động dạy học theo hướng thiết thực, hiệu quả. Kiểm soát và hạn chế tình trạng “*chiếu-chép*”; tận dụng các tài nguyên dùng chung, các phần mềm dạy học, mạng xã hội xây dựng nguồn học liệu số để nâng cao chất lượng dạy học.

Đối với môn Lịch sử, tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong dạy học Lịch sử. Đối với môn Ngữ văn, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn theo hướng dẫn⁴.

Đa dạng các hình thức tổ chức dạy học (*trong và ngoài lớp học, trong và ngoài khuôn viên nhà trường*), đẩy mạnh dạy học theo mô hình giáo dục STEM, STEAM theo hướng hiệu quả, thiết thực⁵; khuyến khích các hình thức dạy học nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh.

- *Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá.*

Thực hiện việc đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông theo quy định của Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT, không vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình như: xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; tăng cường thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập.

Đối với môn Ngữ văn, tránh sử dụng những văn bản, đoạn trích đã được học trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu kiểm tra đánh giá năng lực đọc hiểu và viết trong các đề kiểm tra định kì nhằm khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn⁶.

Tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ma trận đề kiểm tra theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học; học sinh lớp 12 làm quen với định hướng đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo Chương trình GDPT 2018⁷.

Nhà trường ban hành quy chế kiểm tra đánh giá học sinh đảm bảo tính khoa học, tính logic, tính chặt chẽ, quy định cụ thể các quy trình trình xây dựng đề kiểm tra, quy trình coi kiểm tra, quy trình chấm triểm tra, quy trình nhập điểm và trả kết quả kiểm tra cho học sinh. Sau các đợt kiểm tra định kỳ sẽ công

⁴ Công văn số 1457/SGDĐT-GDTrH ngày 28/7/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông

⁵ Công văn số 1217/SGDĐT-GDTrH ngày 04/9/2020 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học.

⁶ Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

⁷ Công văn số 456/SGDĐT-GDTrH ngày 13/03/2024 của Sở GDĐT về việc tổ chức dạy học, ôn tập theo cấu trúc định dạng đề thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025.

khai đề, đáp án thi kiểm tra theo quy định trên Website của Nhà trường tại địa chỉ: <https://c3phanboichau.quangngai.edu.vn/>

3. Việc triển khai tập huấn lại các đợt tập huấn bồi dưỡng Sở GDĐT đã triển khai

Phân công giáo viên cốt cán từng môn tham gia tập huấn công tác xây dựng đề kiểm tra đánh giá học sinh đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo công văn của Sở GDĐT. Giáo viên cốt cán sau khi tham gia các lớp tập huấn về triển khai cho các thành viên của tổ theo đúng kế hoạch của Nhà trường.

4. Việc tăng cường chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn kể từ năm học 2025-2026.

Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ, đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn để nâng cao chất lượng giờ dạy và môn học, trên cơ sở phát triển phẩm chất năng lực học sinh.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học⁸; tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông (CT GDPT) 2018; tăng cường phối hợp, huy động, trao đổi giáo viên giữa các trường trong địa bàn để sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có.

5. Công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh

Tiếp tục tổ chức khảo sát nhu cầu học tập các môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập của học sinh lớp 9 để chủ động chuẩn bị cho học sinh vào học lớp 10; tăng cường tư vấn hướng nghiệp theo định hướng nghề nghiệp cấp trung học phổ thông. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường với các trường Đại học, các cơ sở GDNN, các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo nhằm tạo điều kiện cho học sinh bộc lộ năng lực, sở trường, hứng thú của mình đối với một lĩnh vực, một ngành nghề, một công việc nào đó. Thông qua hoạt động, giáo viên sẽ định hướng cho học sinh xác định con đường phát triển sau khi tốt nghiệp THPT như chọn ngành học ở ĐH, CĐ; chọn ngành nghề trong học nghề hoặc trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh địa phương...

Đa dạng hóa, vận dụng linh hoạt các hình thức tư vấn hướng nghiệp phù hợp với tâm lý lứa tuổi và nhà trường; cung cấp thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chính sách ưu đãi trong GDNN, cơ hội khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm, xu hướng thị trường lao động và nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

6. Công tác kiểm định chất lượng, xây dựng trường chuẩn quốc gia (các tiêu chí đã đạt, các tiêu chí chưa đạt) Nhà trường đang xây dựng theo Đề án

⁸ Công văn số 1777/SGDĐT-GDTrH ngày 07/9/2023 của Sở GDĐT về việc Hướng dẫn đánh giá giờ dạy giáo viên cấp trung học từ năm học 2023-2024. Hướng dẫn số 1495/SGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi về việc hướng dẫn kiểm tra, đánh giá định kỳ năm học 2025-2026;

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	-
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	-
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	-
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tổng kết		27	27	17

Kết quả: Chưa đánh giá

7. Việc kiểm tra dạy học theo Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025

Nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học theo Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025⁹. Tổ chức dạy chéo buổi so với buổi học chính khóa; phân công giáo viên phụ trách các lớp dạy nâng cao cao này. (Có bảng danh sách GV phụ trách lớp và GV dạy các lớp kèm theo Kế hoạch nhiệm vụ năm học)

- Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch, lập phân phối chương trình để dạy nâng cao chất lượng cho học sinh DTTS đảm bảo yêu cầu tối thiểu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của chương trình giáo dục phổ thông.

- Giáo viên dạy nâng cao chất lượng cho học sinh DTTS theo sự phân công của Tổ chuyên môn.

- Việc dạy nâng cao chất lượng cho học sinh DTTS được nhà trường theo dõi chặt chẽ, có sổ ghi đầu bài; Ban giám hiệu nhà trường, các tổ trưởng chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ việc dạy nâng cao chất lượng cho học sinh DTTS; kịp thời điều chỉnh những thiếu sót nếu có

a. Thời gian: Từ 16/9/2025 đến 15/5/2026 (thực hiện 33 tuần)

b. Nội dung: Phụ đạo học sinh yếu đối với một số môn như Toán; Ngữ Văn; Tiếng anh; Lịch sử; Địa lý. Mỗi tuần không quá 12 tiết.

8. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn (nếu có)

Căn cứ tình hình thực tế trong năm học 2024-2025 nhà trường có 02 học sinh khuyết tật ở dạng khuyết tật vận động, Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập năm học 2025-2026 nhằm giúp trẻ khuyết tật được hưởng quyền học tập bình đẳng như những học sinh khác. Tạo điều kiện và cơ hội cho trẻ khuyết tật học văn hóa, vui chơi giải trí, hòa nhập cộng đồng, phục hồi chức năng và phát triển.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Kết quả giáo dục toàn diện năm học 2024-2025

1.1. Kết quả học tập:

Lớp	SS	Kết quả học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 10	139	10	7.19%	45	32.37%	84	60.43%	0	0.00%
Khối 11	106	14	13.21%	45	42.45%	47	44.34%	0	0.00%
Khối 12	97	27	27.84%	64	65.98%	6	6.19%	0	0.00%
Tổng	342	51	14.91%	154	45.03%	130	38.01%	0	0.00%

⁹ Kế hoạch số 22/KH-PBC, ngày 16/9/2024 về nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số năm học 2024 – 2025

1.2. Kết quả rèn luyện:

Lớp	SS	Kết quả rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 10	139	95	68.35%	36	25.90%	8	5.76%	0	0.00%
Khối 11	106	81	76.42%	21	19.81%	4	3.77%	0	0.00%
Khối 12	97	91	93.81%	4	4.12%	2	2.06%	0	0.00%
Tổng	342	267	78.07%	61	17.84%	14	4.09%	0	0.00%

2. Giáo dục mũi nhọn:

- Cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh và cấp trường: Năm học 2024-2025 nhà trường có 09 giải HSG cấp tỉnh thuộc môn Ngữ Văn, Tiếng anh, Lịch sử và môn địa lý và 25 giải học sinh giỏi cấp trường.

- Tham gia học sinh giỏi OTE cấp tỉnh: có 01 học sinh đạt giải ba cấp tỉnh

- Tham gia thi KHKT cấp tỉnh: có 01 giải khuyến khích

- Tham gia giải thể dục thể thao học sinh năm học 2024-2025 cấp tỉnh và kết quả đạt được: 01 giải nhất, 01 giải nhì đồng đội, 04 giải 3;

** Chất lượng của giáo viên:*

- Ngày càng được quan tâm, chú trọng trong việc nâng cao chất lượng mũi nhọn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên: Thường xuyên tổ chức các chuyên đề cấp Trường và tham gia đầy đủ các chuyên đề; luôn tạo điều kiện tốt nhất cho giáo viên các lớp học, các buổi tập huấn do Sở GD & ĐT tổ chức, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ chuyên môn cho giáo viên:

- Thực hiện thành công chuyên đề cấp THPT; Triển khai có hiệu quả chuyên đề Giáo dục STEM cấp trường ở khối lớp 11 và khối 10

- Tăng cường ứng dụng CNTT vào công tác quản lý và dạy học trong trường. Triển khai hiệu quả công tác quản lý điều hành, thông tin báo cáo qua hệ thống Ioffice, Email nội bộ, khai thác hiệu quả, xây dựng được kho học liệu điện tử, 80% giáo viên đã sử dụng thành thạo phương tiện dạy học hiện đại, khai thác được các tư liệu trên mạng Internet để thiết kế bài giảng sinh động, phong phú.

- BGH thường xuyên dự giờ, kiểm tra việc thực hiện chương trình và thời khoá biểu của giáo viên. Tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất và đầu tư thiết bị đồ dùng dạy học thiết yếu để giáo viên dạy tốt, HS học tập tiến bộ.

- Quan tâm xây dựng nề nếp kỷ cương môi trường sư phạm nhà trường, đầu tư đủ CSVC và các điều kiện thiết yếu, trang thiết bị CNTT cho giáo viên giảng dạy.

- Thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục, đảm bảo mối quan hệ tốt với địa phương, các phong trào thi đua:

+ Phong trào thi đua “Ba tốt”, thi giáo viên dạy giỏi, thực hiện các chuyên đề.

+ Phong trào viết bài "Người tốt - Việc tốt", "Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo". Xây dựng "Trường học hạnh phúc"; "Bình dân học vụ số Quảng Ngãi"...

- Nghiêm túc chấp hành, triển khai và quản lý các hoạt động giáo dục đúng văn bản hướng dẫn của ngành. Phân công chuyên môn đảm bảo khách quan, công bằng, phát huy được thế mạnh của các thành viên.

- Phân công và giao trách nhiệm cụ thể cho các thành viên, chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT, sử dụng đồ dùng dạy học thường xuyên, nhiều tiết dạy sử dụng bài giảng điện tử hiệu quả, nội dung dạy học không quá tải, học sinh hứng thú, tích cực và chủ động

- Có 18 SKKN được xếp loại khá, tốt ;

- Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn bằng nhiều hình thức: Tự rèn luyện, học hỏi trường bạn hoặc tham gia tích cực và đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ:

- Phát huy có hiệu quả vai trò nhóm giáo viên cốt cán, tổ CNTT trong nhà trường, Tổ chức tốt hoạt động phổ biến sản phẩm CNTT trong tổ chuyên môn, Hội đồng sư phạm để nhân rộng gương điển hình và chia sẻ kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ cho GV.

* Kết quả các Hội thi, hội giảng .. các cấp: Năm học 2024-2025

GV dạy giỏi		GV chủ nhiệm giỏi	
Cấp trường	Cấp tỉnh	Cấp trường	Cấp tỉnh
11	5	0	0

VI. THU - CHI TÀI CHÍNH:

1. Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm được đảm bảo, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị đạt 100% so với kế hoạch; chấp hành tốt chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước.

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN). Căn cứ Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2024 - 2025; Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Bao gồm: Học phí, Dạy học tăng cường, trông giữ Xe, Văn phòng phẩm (*Giấy kiểm tra*), Vệ sinh ... thực hiện đúng theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên gồm các chế độ chính sách giáo dục đối với Giáo viên và học sinh được đảm bảo kịp thời và đầy đủ.

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2023 - 2025; Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là **đơn vị Nhóm 4** theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

3. Về thực hiện Thu - Chi tài chính của đơn vị

ĐVT: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	QT Năm 2023	QT Năm 2024	Ước TH 2025	Ghi chú
A	KỲ TRƯỚC CHUYỂN SANG	0	68,99	24,25	
1	Học phí		25,83	7,34	
2	Dạy học tăng cường, Ôn thi		6,39	1,96	
3	Giữ xe		12,57	0,05	
4	VPP, Giấy kiểm tra		18,61	5,99	
5	Vệ sinh phục vụ học sinh		5,60	8,90	
B	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP	5.197,07	6.934,77	7.629,69	
I	Thu từ hoạt động Dịch vụ	496,12	528,19	105,69	
1	Thu Học phí (<i>kể cả NSNN cấp bù</i>)	62,90	77,85	68,69	
2	Thu hoạt động Dịch vụ	433,23	450,34	37,00	
	- <i>Dạy học tăng cường, Ôn thi</i>	359,67	386,45		
	- <i>Giữ xe</i>	26,86	8,86	10,50	
	- <i>VPP, Giấy kiểm tra</i>	30,09	31,38	15,50	
	- <i>Vệ sinh phục vụ học sinh</i>	16,61	23,66	11,00	
II	Thu từ Ngân sách nhà nước cấp	4.700,95	6.406,58	7.524	
1	Thực hiện (Lương, các khoản chi khác)	4.614,00	6.129,00	7.065,00	
2	Thực hiện chế độ Tiền thưởng NĐ73		175,00	351,00	
3	Thực hiện chế độ chính sách (NĐ81-238, ĐA DTTS)	86,95	102,58	108,00	
C	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP	5.120	6.971,71	7.244	
I	Chi từ nguồn hoạt động Dịch vụ	427,13	572,93	129,94	
1	Nguồn Học phí	37,07	96,34	76,03	
2	Nguồn hoạt động Dịch vụ	390,06	476,60	53,91	
	- <i>Dạy học tăng cường, Ôn thi</i>	353,28	390,88	1,96	
	- <i>Giữ xe</i>	14,29	21,37	10,55	
	- <i>VPP, Giấy kiểm tra</i>	11,48	44,00	21,49	
	- <i>Vệ sinh phục vụ học sinh</i>	11,02	20,35	19,90	
II	Chi từ nguồn Ngân sách nhà nước cấp	4692,63	6.398,78	7.114	
1	Chi thường xuyên (Lương, phụ cấp & chi khác)	4.614,0	6.123	7.065,00	
2	Chi chế độ Tiền thưởng NĐ73	0	175,0	351,00	
3	Chi chế độ chính sách (NĐ81-238, ĐA DTTS)	78,63	100,78	49,18	

T T	Chỉ tiêu	QT Năm 2023	QT Năm 2024	Ước TH 2025	Ghi chú
D	TỔN CUỐI KỲ (A+B-C)	77,31	32,05	58,82	
1	Nguồn Học phí & dịch vụ (<i>Chuyển kỳ sau</i>)	68,99	24,25	0	
2	Nguồn NSNN cấp	8,32	7,80	58,82	
	- Thực hiện (<i>Lương, các khoản chi khác</i>)	0	6,00	0	
	- Thực hiện chế độ Tiền thưởng NĐ73	0	0	0	
	- Thực hiện chế độ chính sách (NĐ81, ĐA DTTS)	8,32	1,80	58,82	<i>Hủy dự toán</i>

* Số thực hiện (*bao gồm cả nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác*).

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm học 2024 - 2025 Trường THPT Phan Bội Châu báo cáo Sở GD & ĐT tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Sở GD & ĐT (thay b/c);
- Công khai Website trường
- Lưu: VT. KT

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Tuyết Hoa